

Số: 198 /KH-UBND

Hà Giang, ngày 11 tháng 11 năm 2014

KẾ HOẠCH

thực hiện Chương trình số 104-CTr/TU ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh Hà Giang (khóa XV) thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 29- NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; Quyết định số 2653 /QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban kế hoạch hành động của ngành Giáo dục và Đào tạo Triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW;

Căn cứ Chương trình hành động số 104-CTr/TU ngày 23/4/2014 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh Hà Giang (khóa XV) thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”,

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 104-CTr/TU ngày 23/4/2014 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh Hà Giang (khóa XV) như sau:

Phần 1 ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

1. Kết quả đạt được đến năm học 2013-2014

Giáo dục và Đào tạo Hà Giang tiếp tục phát triển và ổn định, đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào các dân tộc. Chất lượng giáo dục phổ thông, chất

lượng đào tạo nguồn nhân lực được nâng lên; Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được tăng cường và không ngừng nâng cao về năng lực, trình độ; Cơ sở vật chất, trang thiết bị ngày càng hoàn thiện. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được chú trọng, xã hội hóa giáo dục ngày càng mạnh mẽ, rộng khắp. Hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản là:

- Tỷ lệ huy động trẻ 0-2 tuổi đạt 31.1%. Trẻ 5 tuổi đến trường đạt 98,8%. Trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,8%.; Tỷ lệ huy động trẻ 6 → 14 tuổi đạt 98,1%.

- Số xã đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi 177/195 xã đạt 90,7%, 6/11 huyện đạt chuẩn phổ cập mầm non 5 tuổi. 100% số xã phường, thị trấn thực hiện tốt duy trì, giữ vững chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập THCS.

- Quy mô mạng lưới trường lớp không ngừng được củng cố phát triển phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh (đến 31/5/2014 toàn ngành có 655 trường học Số trường đạt chuẩn quốc gia 98/142 trường đạt 69% so với kế hoạch); Thực hiện tốt đề án thành lập các trường phổ thông dân tộc bán trú. Toàn tỉnh có 124 trường phổ thông dân tộc bán trú. 195/195 xã phường, thị trấn thành lập Trung tâm học tập cộng đồng.

- Tỷ lệ lao động được đào tạo đến năm 2014 ước đạt 42,5%; qua đào tạo nghề đạt 34,5%.

- Công tác chuẩn hóa trình độ giáo viên các cấp được chú trọng. Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn là: Giáo viên mầm non: 46,5%; Giáo viên tiểu học: 52,4% ; Giáo viên Trung học cơ sở (THCS): 50,2%; Giáo viên Trung học phổ thông (THPT): 9% ; Giáo viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp : đạt chuẩn 100% ; Giáo viên các trường chuyên nghiệp trên chuẩn đạt 29%.

- Cơ sở vật chất trang thiết bị trường học đã đáp ứng cơ bản yêu cầu phục vụ cho dạy và học. Tỷ lệ được xây dựng kiên cố là : phòng học : 51,7%; phòng bộ môn 97,7%; các công trình phục vụ học tập 49,8%. Nhà công vụ giáo viên giáo viên được xây mới đạt 58,97% kế hoạch được duyệt.

- Quy mô tổ chức Hội khuyến học không ngừng phát triển. Tính đến 30/8/2014 có 11/11 huyện, thành phố, 195 xã, phường, thị trấn, 1.969 thôn, bản, 132 tổ dân phố, 630/ 654 trường học, 58/80 sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, 379/615 phòng, ban, đoàn thể cấp huyện, thành phố và 11/31 Hội Đồng hương, đồng ngũ thành lập tổ chức Hội khuyến học; 48.226 gia đình hiếu học, trên 500 dòng họ hiếu học và 443 cộng đồng khuyến học.

Với những kết quả đạt được, khảng định ngành Giáo dục và Đào tạo đã có sự chuyển biến rõ rệt về hiệu quả quản lý và chất lượng giáo dục và đào tạo; Đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo đủ về số lượng đáp ứng yêu cầu về đổi mới của giáo dục.

2. Tồn tại, hạn chế

- Chất lượng giáo dục toàn diện chưa đồng đều giữa các vùng, chưa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chưa giải quyết tốt

mối quan hệ giữa dạy chữ, dạy người, dạy nghề; học sinh, sinh viên còn hạn chế về khả năng tự học, kỹ năng thực hành, kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng sống.

- Quy mô trường lớp và các cơ sở đào tạo còn nhỏ, lẻ; Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia còn thấp. Tiến độ xây dựng trường chuẩn cấp THPT chậm.

- Quy mô đào tạo nghề chưa tương xứng với yêu cầu của thị trường lao động, đào tạo chưa gắn kết với sử dụng. Nguồn nhân lực còn thiếu nhiều lao động, cán bộ có tay nghề và trình độ kỹ thuật, nghiệp vụ cao.

- Tỷ lệ giáo viên, giảng viên đạt trình độ thạc sỹ, tiến sỹ của tỉnh còn thấp; năng lực của một số giáo viên chưa tương xứng với trình độ đào tạo. Một bộ phận đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ; chưa gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ; chưa thường xuyên rèn luyện phẩm chất đạo đức, chậm đổi mới phương pháp giảng dạy; chưa thực sự năng động, đổi mới trong công tác.

- Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội còn nhiều hạn chế, chưa thực sự hiệu quả. Công tác xã hội hóa giáo dục chưa có chiều sâu. Công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền ở nhiều cơ sở giáo dục có nơi, có lúc chưa sát, chưa kịp thời.

- Quan hệ phối hợp công tác giữa ngành và cấp về công tác cán bộ chưa tốt, công tác luận chuyển, bổ nhiệm, cử đi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên ở một số nơi chưa thật sự dân chủ, khách quan, công bằng, minh bạch.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

Những hạn chế, yếu kém có nhiều nguyên nhân, song cơ bản tập trung vào một số nguyên nhân sau:

- Một số cán bộ quản lý trường học chưa thực sự tích cực tự học, tự bồi dưỡng, chưa phát huy hết vai trò và khả năng trong công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành công việc. Một bộ phận cán bộ giáo viên chưa nỗ lực phấn đấu, chưa đáp ứng được yêu cầu công tác trong giáo dục. Việc thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực còn hạn chế.

- Công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh chưa hiệu quả. Phương pháp giáo dục và đào tạo chậm đổi mới, chưa phát huy được tính chủ động, sáng tạo của người học. Bệnh thành tích trong giáo dục, áp lực tâm lý thi cử, bằng cấp vẫn còn nặng nề. Gia đình và cộng đồng xã hội phối hợp chưa chặt chẽ với nhà trường trong việc giáo dục thế hệ trẻ, nhất là giáo dục lịch sử, truyền thống cách mạng, giáo dục đạo đức và ý thức chấp hành pháp luật.

- Cơ sở vật chất trang thiết bị nhiều cơ sở giáo dục thiếu, xuống cấp chưa đáp ứng được trong quá trình dạy - học. Nguồn kinh phí chưa đáp ứng được nhu cầu.

- Một số cấp ủy Đảng, Chính quyền cơ sở chưa có những biện pháp, giải pháp hiệu quả trong thực hiện cơ chế, chính sách để thể hiện đầy đủ quan điểm “phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu”; chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo sự

nghiệp pháp triển giáo dục của địa phương, thiếu sâu sát và thực tế. Một số phong tục tập quán lạc hậu của đồng bào các dân tộc như: tảo hôn, ma chay, cưới hỏi dài ngày... đã ảnh hưởng tới chất lượng và sự phát triển giáo dục.

- Phân cấp quản lý hệ thống giáo dục trên một số lĩnh vực chưa phù hợp; cơ chế quản lý giáo dục chưa phát huy quyền chủ động và trách nhiệm của địa phương và nhà trường. Công tác phối hợp quản lý giữa ngành Giáo dục và Đào tạo và các cấp chính quyền địa phương còn hạn chế.

Phần 2

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng hệ thống giáo dục và đào tạo phát triển đồng bộ, cân đối cơ cấu và quy mô phù hợp với thực tiễn; đa dạng hình thức học tập, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời của nhân dân, hướng tới “xã hội học tập”. Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đủ về số lượng, cân đối về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ, phẩm chất, đạo đức. Hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo tốt các điều kiện dạy và học. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đi đôi với đẩy mạnh giáo dục mũi nhọn, coi trọng giáo dục truyền thống, ý thức chấp hành pháp luật nhằm bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đủ điều kiện để thực hiện các nhiệm vụ dạy và học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo có trách nhiệm tâm huyết, vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, có ý chí vươn lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đổi mới. Quy hoạch đội cán bộ quản lý có đủ phẩm chất năng lực chỉ đạo, quản lý các hoạt động giáo dục và đào tạo.

2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2020, Giáo dục và Đào tạo Hà Giang phấn đấu đạt các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Hoàn thành công tác giáo dục phổ cập cho trẻ 5 tuổi vào năm 2015. Phấn đấu đến năm 2020 đạt các chỉ tiêu: Tỷ lệ trẻ 0 -2 tuổi đi nhà trẻ 35% trở lên; Tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi đi mẫu giáo trên 98%; trên 99% trẻ 5 tuổi đến trường.

- Tỷ lệ trẻ 6-14 tuổi đến trường đạt 98% trở lên; Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục THPT và tương đương đạt 75% trở lên.

- Phấn đấu 50% Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động đúng chức năng và hiệu quả; Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 trở lên biết chữ đạt 99,0% trở lên;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 60% trở lên. Trong đó, qua đào tạo nghề 50%.

- Đội ngũ cán bộ giáo viên đến năm 2020 đạt được các mục tiêu:

+ Giáo viên mầm non đạt trình độ chuẩn, trên chuẩn và ít nhất có 60% giáo viên có trình độ cao đẳng trở lên.

+ Có 65 % số giáo viên tiểu học có trình độ cao đẳng trở lên.

+ Có 100% giáo viên THCS được xếp loại trung bình trở lên theo chuẩn nghề nghiệp và 65% số giáo viên THCS đạt trình độ đại học trở lên.

+ Có 98% giáo viên THPT được xếp loại trung bình theo chuẩn nghề nghiệp và có ít nhất 15% trình độ thạc sỹ trở lên.

+ Tỷ lệ giáo viên của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn về trình độ đào tạo 100%. Giảng viên ở các trường cao đẳng có 70% đạt trình độ thạc sỹ, 5% là tiến sỹ. Phấn đấu xây dựng đủ đội ngũ giảng viên để từng bước chuẩn bị các điều kiện thành lập phân hiệu Đại học Hà Giang tại tỉnh.

- Ưu tiên các nguồn lực để đáp ứng đủ phòng học và nhà công vụ, nhà lưu trú cho giáo viên và học sinh; xây mới các hạng mục công trình thuộc khu phục vụ học tập; phòng học bộ môn, phòng thiết bị, phòng làm việc hiệu bộ, phòng học đa năng, thư viện, phòng y tế, công trình vệ sinh, nước sạch. Trang thiết bị, đồ dùng học tập đáp ứng với chương trình giáo dục.

- Phấn đấu 30% trường đạt chuẩn Quốc gia trở lên.

- Chú trọng việc tổ chức các hoạt động khuyến học, khuyến tài. Phấn đấu đến 2020 đạt các chỉ tiêu: 60% gia đình được công nhận Danh hiệu “Gia đình học tập”; 40% dòng họ được công nhận Danh hiệu “Dòng họ học tập”; 50% cộng đồng (thôn, làng, bản, tổ dân phố và tương đương) đạt Danh hiệu “Cộng đồng học tập”; 50% các tổ chức, cơ quan, trường học, đơn vị, doanh nghiệp đạt Danh hiệu “Cộng đồng học tập”.

II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức sâu sắc và thực hiện đầy đủ quan điểm “giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân”, “phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu”, “đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho sự phát triển”, về sự cần thiết phải đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phân công và sử dụng hợp lý, xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý Giáo dục và Đào tạo yêu nghề, tâm huyết, gắn bó với nhà trường và các học sinh; tích cực xây dựng mối quan hệ thầy trò trong sáng, lành mạnh, gương mẫu; đồng thời với việc chấn chỉnh thực hiện

nghiêm túc quy chế chuyên môn, nghiệp vụ. Mục tiêu là phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý toàn diện.

- Xác định xây dựng, phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo là trách nhiệm của cấp ủy và người đứng đầu; huy động tổng lực toàn xã hội cùng tham gia để phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo ở địa phương trong toàn tỉnh; Các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục tăng cường trách nhiệm, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo các cấp học trên địa bàn. Kịp thời xem xét, tham mưu, ban hành các văn bản tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo thuộc cấp, địa bàn quản lý.

- Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh; phát hiện và kịp thời tuyên truyền về những tập thể, đơn vị nhà trường, cá nhân các nhà giáo có sáng kiến, có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Đổi mới chương trình Giáo dục các cấp học và trình độ đào tạo

- Thực hiện đổi mới chương trình theo sự chỉ đạo thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tính đến đặc thù của địa phương. Phấn đấu đến 2020, các cơ sở giáo dục trong tỉnh công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng ngành học, môn học, chương trình, ngành và chuyên ngành đào tạo.

- Giáo dục tác phong làm việc chuyên nghiệp và có tính kỷ luật cao. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dạy và học.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp rà soát, điều chỉnh xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo thống nhất, liên thông theo từng ngành, nhóm ngành, nhóm nghề đào tạo, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Tập trung thực hiện việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục

- Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học. Triển khai hiệu quả, bền vững chương trình giáo dục mầm non mới. Phát triển chương trình mô hình trường học mới tại Việt Nam và nhân rộng ra các trường THCS.

- Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục địa phương. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho giáo viên, học sinh về giữ gìn, phát huy giá trị của Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn ở các trường thuộc vùng công viên.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy - học và quản lý; Phát huy vai trò của công nghệ thông tin và các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại trong quản lý giáo dục, đào tạo. Từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin.

- Chú trọng công tác thực hành, thực tập trong đào tạo nguồn nhân lực. Nghiên cứu thực tiễn để vừa đào tạo các ngành truyền thống vừa mở các ngành đào

tạo mới đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Rà soát, đánh giá mức độ đổi mới phương pháp giáo dục, dạy và học ở tất cả các nhà trường. Trên cơ sở đó khắc phục yếu kém, phát huy các phương pháp tích cực để hạn chế và chấm dứt phương pháp truyền thụ một chiều, ghi nhớ máy móc. Triển khai đổi mới phương pháp giáo dục lấy người học làm trung tâm, hướng tới mục tiêu phát triển con người toàn diện, phát huy khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân. Vận dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy, thực hành, chú trọng bồi dưỡng phương pháp tự học, tự nghiên cứu cho người học.

- Tăng cường các hoạt động tập thể, hoạt động nhóm, hoạt động ngoài phạm vi nhà trường gắn với thực tế để hình thành, phát triển các năng lực cho học sinh, sinh viên (năng lực chỉ huy, tự học, tự phục vụ, giao tiếp, thuyết trình, hợp tác, phản biện, giải quyết vấn đề, dự đoán...).

- Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung để các bậc phụ huynh tham gia cùng với nhà trường trong quá trình giáo dục. Có giải pháp theo dõi, đánh giá năng lực hoạt động thực tiễn của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng sau đào tạo.

4. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống trường học trên địa bàn tỉnh

- Thực hiện điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hà Giang đến năm 2020. Giữ vững và phát triển quy mô, hệ thống trường lớp, quan tâm đầu tư phát triển giáo dục dân tộc, giáo dục ở vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, góp phần tạo sự công bằng trong giáo dục và đào tạo giữa các địa phương trong tỉnh.

- Củng cố hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú đảm bảo môi trường học tập, sinh hoạt, điều kiện tổ chức các hoạt động tập thể cho học sinh.

- Tập trung các nguồn lực để hoàn thiện cơ sở vật chất trường lớp cho ngành học mầm non. Tiếp tục kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2015 và những năm tiếp theo. Chú trọng giáo dục mũi nhọn (trường THPT chuyên, trường chất lượng cao tại các huyện, thành phố). Nghiên cứu đề xuất thành lập trường liên cấp (có cấp THPT) phù hợp tình hình thực tiễn và quy hoạch giáo dục để nâng cao tỷ lệ tuyển sinh vào lớp 10, đặc biệt các huyện 30a, các xã biên giới. Đổi mới phương thức hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả, thực sự trở thành trường học của nhân dân.

- Duy trì và thực hiện hiệu quả Đề án gắn giáo dục với dạy nghề cho học viên tại các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác dạy nghề, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân thành lập mới các cơ sở đào tạo nghề cho người lao động, nhất là đối với người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, người lao động ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế, xã hội khó khăn và vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số; Khuyến khích, thu hút các cơ sở dạy nghề tư thực, dạy nghề tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, hợp tác xã và các cơ sở dạy nghề tiểu thủ công mỹ nghệ theo nghề và cấp trình độ đào tạo dạy nghề cho

lao động nông thôn. Từng bước đầu tư hệ thống các trường, trung tâm dạy nghề đạt chuẩn quốc gia. Nâng cấp 02 Trung tâm nghề (Yên Minh, Vị Xuyên) thành trung cấp nghề.

- Liên kết với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để đào tạo những ngành nghề kỹ thuật, công nghệ cao, cung cấp nguồn nhân lực cho phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Tăng cường hợp tác, học tập và áp dụng các chương trình đào tạo tiên tiến của các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước.

- Tiếp tục củng cố, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất để phát triển bền vững trung tâm học tập cộng đồng ở các xã, phường, thị trấn; phấn đấu 195/195 Trung tâm học tập cộng đồng tại xã phường, thị trấn đáp ứng yêu cầu học tập đa dạng của cộng đồng dân cư, gắn kết, liên thông giữa giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.

- Mở rộng quy mô, đa dạng hóa chương trình và hình thức đào tạo, nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực. Tập trung các nguồn lực xây dựng trường Trung cấp Y tế, Trung học kinh tế kỹ thuật thành trường Cao đẳng. Chuẩn bị các điều kiện, tiêu chuẩn để thành lập trường Đại học Hà Giang sau năm 2020.

5. Đổi mới quản lý giáo dục Giáo dục và Đào tạo

- Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội xây dựng các chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách liên quan đến thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh. Xây dựng cơ chế phối hợp quản lý toàn diện giáo dục đào tạo giữa ngành với cấp chính quyền địa phương để tập trung giải quyết các nội dung phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở theo trách nhiệm quản lý về Giáo dục và Đào tạo tăng cường hiệu quả quản lý, tạo cơ chế giám sát xã hội đối với chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo.

- Xác định rõ trách nhiệm với quyền hạn sử dụng nhân sự và tài chính, đặc biệt trong quản lý nhà nước về giáo dục mầm non, phổ thông; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm của các trường Cao đẳng, trung cấp, giáo dục nghề nghiệp.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý giáo dục; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm và thông báo công khai trước công luận nhằm khắc phục cơ bản tiêu cực trong dạy thêm, học thêm; tiêu cực trong thi cử; lạm thu trong trường học trên cơ sở quy định của tỉnh tại các cấp học.

6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

- Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành giáo dục và đào tạo của tỉnh đảm bảo về chất lượng, số lượng và cơ cấu; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ giáo viên các cấp học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tập trung rà soát lại đội ngũ cán bộ quản lý các nhà trường bám sát các tiêu chí chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Giám đốc, Phó Giám đốc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các

huyện, thành phố thường xuyên rà soát, quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục ở các trường và cơ sở giáo dục. Thực hiện bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển đúng quy trình, thủ tục theo quy định một cách công khai, minh bạch. Rà soát, bổ sung, xây dựng Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các trường học giai đoạn 2016 - 2020.

- Có kế hoạch yêu cầu đội ngũ nhà giáo phải tự xây dựng kế hoạch tự học, cập nhật kiến thức mới, phương pháp dạy học, giáo dục mới, tự rèn luyện nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, lý luận chính trị; rèn luyện về phẩm chất đạo đức theo hướng chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng; chuẩn giám đốc, chuẩn phó giám đốc trung tâm, giữ gìn uy tín, danh dự của thầy giáo, hết lòng thương yêu, chăm sóc, giáo dục học sinh .

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách của nhà nước đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên. Rà soát để tiếp tục có kế hoạch xây dựng nhà công vụ cho giáo viên vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bổ sung đội ngũ giáo viên có năng lực. Thực hiện các chính sách thu hút, ưu đãi để phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên có trình độ thạc sỹ, tiến sỹ nhằm xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, chuẩn về trình độ, vững vàng về chuyên môn, tâm huyết với nghề.

7. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia, đóng góp của toàn xã hội, nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở vật chất trường học

- Đổi mới quản lý tài chính nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nhà nước và xã hội đầu tư cho giáo dục; nâng cao tính tự chủ của các cơ sở giáo dục, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm đối với Nhà nước, người học và xã hội.

- Xây dựng cơ chế, chính sách để khuyến khích phát triển các loại hình trường ngoài công lập, đặc biệt đào tạo nhân lực chất lượng cao và nhân lực thuộc ngành nghề mũi nhọn của tỉnh. Quy định trách nhiệm của các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng và gia đình trong việc xã hội hóa, đóng góp nguồn lực và tham gia các hoạt động giáo dục.

- Tập trung đầu tư cho giáo dục vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và các trường phổ thông vùng dân tộc. Đầu tư chương trình đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn. Triển khai hiệu quả các cơ chế chính sách của Nhà nước đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Xây dựng và thực hiện các chính sách nhằm đảm bảo bình đẳng về cơ hội học tập; hỗ trợ và ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo. Tiếp tục nghiên cứu và đề xuất các chính sách đối với nhà giáo và người học thuộc các dân tộc thiểu số.

- Triển khai thực hiện cơ chế học bổng, học phí, tín dụng cho học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số và thuộc diện chính sách xã hội; hỗ trợ giáo dục đặc biệt cho người khuyết tật, trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV; cấp học bổng cho học

sinh, sinh viên xuất sắc đảm bảo đúng chế độ, công khai, minh bạch, nhất là ở các trường nội trú, bán trú.

- Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các chính sách và chế độ thu hút đối với cán bộ, giáo viên công tác ở vùng dân tộc. Tăng cường dạy tiếng dân tộc cho cán bộ quản lý và giáo viên công tác ở vùng dân tộc thiểu số. Tăng cường công tác đào tạo theo địa chỉ, đào tạo giáo viên là người dân tộc.

- Tập trung giải quyết tình trạng trường lớp học xuống cấp và phòng học tạm ở vùng sâu, vùng xa thông qua Đề án kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên; chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo; các chương trình, dự án vốn ODA. Bố trí tối đa 20% vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong cân đối ngân sách để thực hiện tăng cường cơ sở vật chất trường học đáp ứng yêu cầu dạy - học, xây dựng trường chuẩn quốc gia theo quyết định giao vốn đầu tư hàng năm của Trung ương.

- Tiếp tục giữ mối quan hệ thường xuyên với các tập đoàn kinh tế; nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích vận động, kêu gọi các tổ chức kinh tế, các nhà đầu tư để đầu tư cho giáo dục và đào tạo của tỉnh. Các tổ chức xã hội, tổ chức đoàn thể trong tỉnh chú trọng công tác vận động, huy động các nguồn lực tài trợ học bổng cho học sinh, sinh viên và giáo viên đạt thành tích xuất sắc hoặc vượt khó trong giảng dạy, học tập.

8. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học quản lý. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo

- Tập trung đầu tư huy động trí tuệ của đội ngũ nhà giáo, các nhà quản lý có kinh nghiệm nghiên cứu các đề tài khoa học về đổi mới quản lý, phương pháp dạy học và phù hợp với tình hình thực tiễn của giáo dục Hà Giang, liên kết hợp tác nghiên cứu khoa học giữa các trường, các viện, học viện trong nước. Có chính sách khuyến khích học sinh, sinh viên nghiên cứu khoa học.

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục tiết kiệm chi tiêu, dành nguồn kinh phí tổ chức tham quan, học tập ở trong nước và nước ngoài để nâng cao năng lực quản lý, giáo dục và đào tạo; tăng cường hợp tác trao đổi kinh nghiệm, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên.

- Phân công, phân nhiệm cụ thể các cấp, ngành chức năng trong việc quản lý học sinh du học, cán bộ đào tạo tại nước ngoài. Xây dựng chính sách đãi ngộ, sử dụng sinh viên và học viên sau khi tốt nghiệp. Tăng cường hợp tác giữa tỉnh Hà Giang với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc về hợp tác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện để học sinh trong tỉnh đi học tập ở nước ngoài bằng nguồn kinh phí tự túc.

- Tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, các vụ, viện, đại học, trường đại học, học viện để có nguồn học bổng hỗ trợ cán bộ, giáo viên, giảng viên đào tạo nâng cao trình độ.

9. Đẩy mạnh việc vận dụng nội dung cải cách hành chính nhà nước trong giáo dục và đào tạo

- Thực hiện việc kiểm soát, đơn giản hóa, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Giáo dục và Đào tạo tại địa phương. Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức triển khai các văn bản quản lý trong các trường và cơ sở giáo dục. Vận dụng hiệu quả, linh hoạt sự phối hợp giữa môi trường giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội.

- Tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục hành chính về cả quy trình và hồ sơ, biểu mẫu; phấn đấu rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định; cập nhật, công bố công khai toàn bộ thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 đối với các thủ tục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Giáo dục và Đào tạo liên quan trực tiếp đến tổ chức, công dân trên cổng thông tin điện tử của tỉnh. Niêm yết công khai tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp theo quy định để nâng cao hơn nữa, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; Sắp xếp, phân công đội ngũ phù hợp với vị trí việc làm. Tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo thực hiện tốt các tiêu chuẩn, nhiệm vụ đối với từng vị trí công việc.

- Phát huy hiệu quả trang thông tin điện tử của Sở và hệ thống Email phục vụ tốt các hoạt động điều hành quản lý. Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008 đối với toàn bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Giáo dục và Đào tạo

- Thực hiện tốt quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính, thực hành tiết kiệm phòng chống tham nhũng, lãng phí. Từng bước hoàn thiện và hiện đại hóa công tác quản lý trong GD&ĐT.

- Đảm bảo mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo đạt trên 60% trở lên.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện triển khai các nội dung và nhiệm vụ của Kế hoạch được dự toán từ các nguồn: Ngân sách Nhà nước cho giáo dục và đào tạo hàng năm; ngân sách từ Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo; ngân sách từ các đề án, dự án có liên quan và từ nguồn xã hội hóa giáo dục.

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng dự toán chi thực hiện Kế hoạch tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Phần 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Nghị quyết số 29, Chương trình hành động số 104 của Tỉnh ủy, các chiến lược, chính sách pháp luật về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng Kế hoạch, giải pháp cụ thể cho từng năm, từng giai đoạn để chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối và bố trí ngân sách hàng năm cho hoạt động giáo dục và đào tạo để triển khai Kế hoạch.

2. Sở Lao động - Thương binh và xã hội

- Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh Kế hoạch thực hiện chương trình đổi mới lĩnh vực dạy nghề. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình dạy nghề tại các cơ sở dạy nghề, đào tạo nghề.

- Chỉ đạo các trường dạy nghề, Trung tâm dạy nghề mở rộng quy mô, đa dạng các loại hình đào tạo nghề nhằm khuyến khích thanh, thiếu niên tốt nghiệp trung học cơ sở vào học nghề, góp phần phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp.

- Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về cơ quan thường trực tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công phụ trách.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo đảm bảo nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch này, đặc biệt ưu tiên kinh phí thực hiện đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015

- Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về cơ quan thường trực tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công phụ trách.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với các ngành có liên quan, đề xuất, bố trí và lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch hàng năm theo quy định; phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo quy hoạch mạng lưới đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất trường lớp; xây dựng chính sách xã hội hóa giáo dục khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư,

tài trợ, giảng dạy, ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ và xây dựng cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về cơ quan thường trực tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công phụ trách.

5. Sở Nội vụ

- Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo theo quy định; sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích nhà giáo và cán bộ giáo dục đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chế độ đãi ngộ, thu hút những người có năng lực và trình độ cao, có tài năng vào đội ngũ nhà giáo, về công tác tại tỉnh.

- Phối hợp, hướng dẫn Sở GD&ĐT, UBND các huyện thành phố xây dựng Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các trường học giai đoạn 2016 – 2020, kế hoạch thu hút, tuyển dụng, bổ sung đội ngũ giáo viên có năng lực công tác trong ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về cơ quan thường trực tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công phụ trách.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Định hướng ứng dụng các tiến bộ KH&CN trong giáo dục và đào tạo nhằm phát triển nguồn lực xã hội chất lượng cao trong sự nghiệp CNH - HĐH đất nước.

- Phối hợp với Sở GD&ĐT triển khai xây dựng nghiên cứu khoa học tập trung vào các nội dung : Nghiên cứu ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy mới trong GD&ĐT; Nghiên cứu ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy, phổ biến kiến thức đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ đào tạo từ xa; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào các trường học để phục vụ công tác giảng dạy.

- Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về cơ quan thường trực tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công phụ trách.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chỉ đạo việc triển khai và tổ chức thực hiện Kế hoạch của Huyện ủy, Thành ủy về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức của nhân dân, đặc biệt là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với giáo dục và đào tạo, vai trò, tầm quan trọng của đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Định kỳ sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong

điều kiện thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế trên địa bàn huyện, thành phố và gửi báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Trách nhiệm các đơn vị phối hợp

8.1 Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

- Chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền thông trong toàn tỉnh phản ánh kịp thời, trung thực đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của tỉnh và kết quả thực hiện của ngành Giáo dục và Đào tạo, của các địa phương, cơ sở giáo dục và đào tạo về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

8.2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên tham gia tích cực việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 104-CTr/TU ngày 23/4/2014 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh Hà Giang (khóa XV) thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang. Căn cứ kế hoạch nêu trên, yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCD đổi mới GDĐT tỉnh;
- UBND các huyện/thành phố;
- CVP, PVP UBND tỉnh phụ trách VX;
- Lưu: VT, VX.

th

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đàm Văn Bông

DANH MỤC

Các văn bản, đề án triển khai kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 104-CTr/TU ngày 23/4/2014 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh Hà Giang (khóa XV) thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ Tám BCHTW Đảng (khóa XI) Ban hành kế hoạch Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh



STT	Tên, loại văn bản	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cơ quan ban hành	Thời gian ban hành
1.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án truyền thông về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.	Sở TT&TT	Các Sở ngành liên quan.	UBND tỉnh	Năm 2015
2.	Quy hoạch mạng lưới giáo dục đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2025.	Sở GD&ĐT	Sở Nội vụ, UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Năm 2015
3.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án triển khai, phân luồng và định hướng nghề nghiệp ở giáo dục phổ thông	Sở GD&ĐT	Sở Nội vụ, Sở LĐ - TB&XH; UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Năm 2015
4.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông	Sở GD&ĐT	UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Năm 2015
5.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và kiểm định đánh giá chất lượng Giáo dục - Đào tạo	Sở GD&ĐT	Sở Nội vụ, Sở LĐ - TB&XH; UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Năm 2015
6.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo, giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2015-2020	Sở LĐ - TB&XH	Sở Nội vụ, Sở GD&ĐT ; UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Năm 2015
7.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo.	Sở GD&ĐT	Sở Nội vụ, Sở LĐ - TB&XH; UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Năm 2015

STT	Tên, loại văn bản	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cơ quan ban hành	Thời gian ban hành
8.	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đổi mới công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức dựa trên đánh giá thực chất năng lực cầu người dự tuyển	Sở GD&ĐT	Sở Nội vụ, UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Năm 2015
9.	Kế hoạch thực hiện đề án kiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2016-2020	Sở GD&ĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Năm 2016
10.	Kế hoạch thực hiện đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Sở GD&ĐT Sở I.Đ - TB&XH	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin - Truyền thông, UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Năm 2015
11.	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số	Ủy ban dân tộc	UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Năm 2015
12.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục các cấp học giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang	Sở GD&ĐT	UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Năm 2015
13.	Kế hoạch xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016-2020	Sở GD&ĐT	UBND các huyện, thành phố	UBND tỉnh	Quý I - 2016
